

Số: /QĐ-UBND

Ngọc Hồi, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo
trên địa bàn huyện Ngọc Hồi năm 2023**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của
Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng
cho giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của
Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận
nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư
nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và
Xã hội: Số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ
Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ
nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp,
ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2023-2025 và mẫu
biểu báo cáo; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022
của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Sửa đổi, bổ sung một số
nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ
Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn phương pháp rà soát,
phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp,
lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2021 -
2025 và các biểu mẫu báo cáo;*

*Theo đề nghị của Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phó
Trưởng Ban thường trực Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện
Ngọc Hồi.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn
huyện Ngọc Hồi năm 2023, cụ thể như sau:

1. Số hộ thoát nghèo: 245 hộ, tương ứng tỷ lệ giảm hộ nghèo là 1,55%.

2. Hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hộ nghèo: 481 hộ, chiếm tỷ lệ 2,95% so với tổng số hộ dân toàn huyện, trong đó có 447 hộ nghèo dân tộc thiểu số.

- Hộ cận nghèo: 384 hộ, chiếm tỷ lệ 2,36% so với tổng số hộ dân toàn huyện, trong đó có 318 hộ cận nghèo dân tộc thiểu số.

(Chi tiết tại Phụ lục 1,2,3,8 - kèm theo).

2. Các chỉ số thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo

- Việc làm: 231 hộ, chiếm tỷ lệ 48,02%.
- Người phụ thuộc trong hộ gia đình: 213 hộ, chiếm tỷ lệ 44,28%.
- Dinh dưỡng: 25 hộ, chiếm tỷ lệ 5,20%.
- Bảo hiểm y tế: 158 hộ, chiếm tỷ lệ 32,85%.
- Trình độ giáo dục của người lớn: 148 hộ, chiếm tỷ lệ 30,77%.
- Tình trạng đi học của trẻ em: 18 hộ, chiếm tỷ lệ 3,74%.
- Chất lượng nhà ở: 173 hộ, chiếm tỷ lệ 35,97%.
- Diện tích nhà ở bình quân đầu người: 160 hộ, chiếm tỷ lệ 33,26%.
- Nguồn nước sinh hoạt: 23 hộ, chiếm tỷ lệ 4,78%.
- Nhà tiêu hợp vệ sinh: 267 hộ, chiếm tỷ lệ 55,51%.
- Sử dụng dịch vụ viễn thông: 215 hộ, chiếm tỷ lệ 44,70%.
- Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin: 89 hộ, chiếm tỷ lệ 18,50%.

(Chi tiết tại Phụ lục 4, 5- kèm theo)

4. Các chỉ số thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo

- Việc làm: 79 hộ, chiếm tỷ lệ 20,57%.
- Người phụ thuộc trong hộ gia đình: 96 hộ, chiếm tỷ lệ 25,00%.
- Dinh dưỡng: 07 hộ, chiếm tỷ lệ 1,82%
- Bảo hiểm y tế: 130 hộ, chiếm tỷ lệ 33,85%.
- Trình độ giáo dục của người lớn: 51 hộ, chiếm tỷ lệ 13,28%.
- Tình trạng đi học của trẻ em: 08 hộ, chiếm tỷ lệ 2,08%.
- Chất lượng nhà ở: 39 hộ, chiếm tỷ lệ 10,16%.
- Diện tích nhà ở bình quân đầu người: 37 hộ, chiếm tỷ lệ 9,64%.
- Nguồn nước sinh hoạt: 11 hộ, chiếm tỷ lệ 2,86%.
- Nhà tiêu hợp vệ sinh: 124 hộ, chiếm tỷ lệ 32,29%.
- Sử dụng dịch vụ viễn thông: 53 hộ, chiếm tỷ lệ 13,80%.

- Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin: 23 hộ, chiếm tỷ lệ 5,99%.

(Chi tiết tại Phụ lục 6, 7- kèm theo)

5. Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các nhóm đối tượng

a) Hộ nghèo theo các nhóm đối tượng

- Hộ nghèo dân tộc thiểu số: 447 hộ.
- Hộ nghèo không có khả năng lao động: 357 hộ.
- Hộ nghèo có đối tượng người có công với cách mạng: 02 hộ.

b) Hộ cận nghèo theo các nhóm đối tượng:

- Hộ cận nghèo dân tộc thiểu số: 318 hộ.
- Hộ cận nghèo không có khả năng lao động: 108 hộ.
- Hộ cận nghèo có đối tượng người có công với cách mạng: 00 hộ.

(Chi tiết tại Phụ lục 8- kèm theo).

6. Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các nhóm dân tộc: (Chi tiết tại Phụ lục 9 - kèm theo).

7. Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các nhóm nguyên nhân nghèo

- Không có đất sản xuất: 123 hộ.
- Không có vốn sản xuất kinh doanh: 70 hộ.
- Không có lao động: 89 hộ.
- Không có công cụ/phương tiện sản xuất: 58 hộ.
- Không có kiến thức về sản xuất: 89 hộ.
- Không có kỹ năng lao động, sản xuất: 86 hộ.
- Có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn: 52 hộ.
- Nguyên nhân khác (*đông nhân khẩu, già yếu, khuyết tật không có sức lao động, tách hộ, chây lười lao động*): 41 hộ.

(Chi tiết tại Phụ lục 10 - kèm theo).

8. Chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo

a) Chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ nghèo:

Tổng số trẻ em: 572 trẻ, trong đó: Chỉ số thiếu hụt về bảo hiểm y tế 136 trẻ; chỉ số thiếu hụt về dinh dưỡng 17 trẻ; chỉ số thiếu hụt về tình trạng đi học 05 trẻ.

b) Chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ cận nghèo:

Tổng số trẻ em: 449 trẻ, trong đó: Chỉ số thiếu hụt về bảo hiểm y tế 163 trẻ; chỉ số thiếu hụt về dinh dưỡng 00 trẻ; chỉ số thiếu hụt về tình trạng đi học 05 trẻ.

(Chi tiết tại Phụ lục 11- kèm theo).

Điều 2. Kết quả hộ thoát nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo; các chỉ số thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các nhóm đối tượng; hộ nghèo, hộ cận nghèo theo nhóm các dân tộc; hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các nhóm nguyên nhân nghèo; chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tại **Điều 1** Quyết định này là cơ sở để thực hiện các chính sách an sinh xã hội và các chính sách kinh tế- xã hội khác năm 2024.

Điều 3. Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Tài chính - Kế hoạch; thủ trưởng các đơn vị, địa phương liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện⁽¹⁾ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Huyện uỷ (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- VP HĐND&UBND huyện:
- + CVP, PCVP (phụ trách VHXXH);
- + Trang Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Chí Tường

⁽¹⁾ Các Phòng, ban, ngành: Lao động-Thương binh và Xã hội; Tài chính-Kế hoạch; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Kinh tế và Hạ tầng; Văn hoá và Thông tin; Dân tộc; Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện; Hội Nông dân; Huyện đoàn; Hội Liên hiệp phụ nữ; Chi Cục Thống kê Khu vực Đăk Glei-Ngọc Hồi.